KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2015 - 2016

HỘI ĐỒNG CHẤM THI: THPT TÂY NINH

BẢNG GHI ĐIỂM THI

HỘI ĐỒNG COI THI: ***THPT Trần Quốc Đại***

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	Điểm rèn luyện					Điểm thi các môn				Điểm UT-KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	Tổng	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Cộng thêm			
1	160001	Cao Minh An	Nam	10/06/2000	3.5	3.5	2.5	2	11.5	1.75	0.50		0	0	16	Liệt
2	160002	Nguyễn Thúy An	Nữ	29/04/2000	3.5	3.5	3.5	2.5	13	Vắng	Vắng		0	0	13	
3	160003	Đoàn Kim Anh	Nữ	19/07/2000	4	3.5	2	2	11.5	1.00	2.00		0	1.5	19	Liệt
4	160004	Trần Huyền Anh	Nữ	09/01/2000	3.5	3.5	3.5	2.5	13	1.00	0.75		0	1	17.5	Liệt
5	160005	Ngô Hoài Bảo	Nam	13/05/2000	2	2.5	2.5	2	9	0.75	0.75		0	0	12	Liệt
6	160006	Huỳnh Sĩ Bằng	Nam	14/07/2000	2	2.5	2.5	3	10	3.25	3.25		0	1	24	
7	160007	Phạm Anh Bằng	Nam	30/10/2000	2.5	2.5	2.5	2.5	10	1.00	0.25		0	1	13.5	Liệt
8	160008	Võ Thị Ngọc Bích	Nữ	04/10/2000	2.5	2.5	2.5	2	9.5	2.25	0.75		0	1	16.5	Liệt
9	160009	Trần Sơn Bình	Nam	24/12/2000	1.5	2	1.5	1.5	6.5	0.75	0.25		0	0.5	9	Liệt
10	160010	Đỗ Trần Cao	Nam	06/03/2000	2	2.5	2.5	1.5	8.5	0.75	0.00		0	1	11	Liệt
11	160011	Nguyễn Thị Kim Chi	Nữ	05/05/2000	2	2	2	2	8	1.50	2.00		0	1.5	16.5	
12	160012	Trần Quốc Danh	Nam	05/09/2000	3.5	3.5	3.5	3.5	14	2.00	4.50		0	1	28	
13	160013	Huỳnh Đại	Nam	13/01/2000	2	2.5	2.5	1.5	8.5	1.25	1.50		0	1.5	15.5	
14	160014	Huỳnh Trương Anh Đào	Nữ	18/10/2000	3.5	3.5	2	3.5	12.5	0.75	1.75		0	0	17.5	Liệt
15	160015	Lê Thành Đạt	Nam	18/02/2000	2	2	2.5	2.5	9	1.00	1.25		0	0.5	14	Liệt
16	160016	Trần Phương Đông	Nam	29/08/2000	1.5	2	2	1.5	7	1.50	0.00		0	0.5	10.5	Liệt
17	160017	Phạm Tấn Gian	Nam	02/10/2000	2	2	2.5	2.5	9	2.25	0.50		0	0.5	15	Liệt
18	160018	Nguyễn Thị Giàu	Nữ	01/04/2000	2.5	3	3.5	2.5	11.5	0.75	2.50		0	1	19	Liệt
19	160019	Phan Minh Hải	Nam	08/01/2000	3.5	3.5	2	3	12	1.75	1.00		0	0.5	18	Liệt
20	160020	Mai Nhật Hào	Nam	01/12/2000	3.5	2.5	2	2	10	2.00	2.50		0	1.5	20.5	
21	160021	Đặng Thị Như Hảo	Nữ	02/11/2000	2	2	2.5	2.5	9	2.25	0.50		0	0.5	15	Liệt
22	160022	Ngô Kim Hằng	Nữ	08/01/2000	2.5	2.5	2.5	2.5	10	1.25	0.75		0	0.5	14.5	Liệt
23	160023	Phan Thị Hoài Hân	Nữ	12/01/2000	3.5	3	3.5	2.5	12.5	2.00	4.25		0	0.5	25.5	
24	160024	Nguyễn Thị Bé Hiền	Nữ	15/11/2000	3.5	2.5	2.5	2.5	11	1.50	2.25		0	0	18.5	
25	160025	Huỳnh Trung Hiếu	Nam	13/11/2000	2.5	2.5	2.5	3.5	11	3.75	3.25		0	1.5	26.5	
26	160026	Trần Trọng Hiếu	Nam	18/01/2000	2	2	2.5	2	8.5	Vắng	Vắng		0	1.5	10	

BẢNG GHI ĐIỂM THI

HỘI ĐỒNG COI THI: ***THPT Trần Quốc Đại***

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	Điểm rèn luyện					Điểm thi các môn				Điểm UT-KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	Tổng	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Cộng thêm			
27	160027	Cam Minh Hoàng	Nam	21/10/1999	2.5	2	2.5	2.5	9.5	1.75	0.75		0	0.5	15	Liệt
28	160028	Phạm Nguyễn Phi Hùng	Nam	28/12/2000	2	3.5	2	2.5	10	0.75	0.50		0	0	12.5	Liệt
29	160029	Nguyễn Hoàng Huy	Nam	06/05/2000	1.5	2	2.5	2	8	1.25	0.00		0	1	11.5	Liệt
30	160030	Nguyễn Quốc Huy	Nam	21/06/2000	2	3.5	2.5	2	10	2.25	0.50		0	1.5	17	Liệt
31	160031	Phạm Võ Hoàng Huy	Nam	10/01/2000	1.5	1.5	1.5	1.5	6	0.50	0.50		0	0.5	8.5	Liệt
32	160032	Trần Thanh Huy	Nam	04/06/2000	2.5	2	1.5	1.5	7.5	1.50	1.00		0	1	13.5	Liệt
33	160033	Huỳnh Thị Ngọc Huyền	Nữ	09/04/1999	2.5	2	3.5	2	10	Vắng	Vắng		0	0	10	
34	160034	Nguyễn Trần Hải Hưng	Nam	09/12/1999	2.5	2	2	1.5	8	2.00	1.50		0	1	16	
35	160035	Đoàn Thị Mai Hương	Nữ	18/05/2000	3	2.5	2.5	3.5	11.5	1.00	0.25		0	1.5	15.5	Liệt
36	160036	Đặng Trọng Hữu	Nam	10/11/2000	2	2	3.5	3	10.5	1.50	3.25		0	1.5	21.5	
37	160037	Dư Văn Khang	Nam	12/09/2000	1.5	1.5	1.5	2	6.5	0.75	0.75		0	1.5	11	Liệt
38	160038	Nguyễn Vĩ Khang	Nam	14/08/2000	1.5	2	1.5	1.5	6.5	1.00	0.00		0	0.5	9	Liệt
39	160039	Phạm Dĩ Khang	Nam	05/02/2000	2	2	1.5	2.5	8	2.25	0.00		0	0	12.5	Liệt
40	160040	Phạm Tuấn Khang	Nam	25/07/2000	3.5	2	2.5	2	10	1.00	0.25		0	1.5	14	Liệt
41	160041	Nguyễn Văn Khoa	Nam	19/06/2000	2.5	2.5	2	1.5	8.5	1.00	1.50		0	0.5	14	Liệt
42	160042	Lê Thị Lan	Nữ	09/05/2000	3.5	3.5	2.5	3.5	13	1.50	2.00		0	1	21	
43	160043	Nguyễn Hiếu Lễ	Nam	12/11/2000	1.5	2.5	2	2	8	1.25	1.25		0	0.5	13.5	
44	160044	Lê Thị Linh	Nữ	02/04/2000	2.5	2	2.5	2.5	9.5	3.50	1.00		0	0.5	19	Liệt
45	160045	Nguyễn Thị Trúc Linh	Nữ	10/12/2000	2.5	2.5	3.5	2.5	11	2.00	1.25		0	1	18.5	
46	160046	Cao Thanh Long	Nam	19/03/2000	2.5	2	2	2.5	9	1.00	1.75		0	1	15.5	Liệt
47	160047	Nguyễn Thành Long	Nam	07/02/2000	2	2	1.5	2	7.5	0.25	0.00		0	1.5	9.5	Liệt
48	160048	Trần Kim Long	Nam	28/10/2000	2	2	2.5	1.5	8	1.00	0.25		0	1.5	12	Liệt
49	160049	Nguyễn Thành Luân	Nam	28/02/2000	2	2.5	2	2	8.5	1.75	1.25		0	0.5	15	
50	160050	Đặng Công Minh	Nam	21/03/2000	2	2.5	2	2	8.5	Vắng	Vắng		0	0.5	9	
51	160051	Trần Quang Minh	Nam	17/04/2000	1.5	2	1.5	2	7	0.00	0.00		0	0	7	Liệt
52	160052	Trần Ngọc Mỹ	Nữ	04/07/2000	3.5	2.5	3.5	3.5	13	1.25	4.00		0	1.5	25	
53	160053	Lê Hoài Nam	Nam	27/09/2000	2	2.5	2.5	2.5	9.5	1.50	2.00		0	0	16.5	
54	160054	Lê Quốc Nam	Nam	26/11/2000	2.5	2	2.5	2	9	1.25	1.00		0	0.5	14	Liệt

BẢNG GHI ĐIỂM THI

HỘI ĐỒNG COI THI: ***THPT Trần Quốc Đại***

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	Điểm rèn luyện					Điểm thi các môn				Điểm UT-KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	Tổng	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Cộng thêm			
55	160055	Trần Hoài Nam	Nam	29/10/2000	2.5	2	2.5	2.5	9.5	Vắng	Vắng		0	0.5	10	
56	160056	Lê Thủy Ngân	Nữ	25/04/2000	3.5	3.5	2.5	2	11.5	2.00	1.00		0	0	17.5	Liệt
57	160057	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	Nữ	02/05/2000	2	2.5	2.5	2	9	1.00	0.25		0	1	12.5	Liệt
58	160058	Nguyễn Văn Nghĩa	Nam	04/07/2000	3.5	3.5	2.5	2.5	12	2.50	1.00		0	0.5	19.5	Liệt
59	160059	Hồ Đức Ngoan	Nam	12/09/2000	2	2.5	1.5	2	8	0.50	0.25		0	0	9.5	Liệt
60	160060	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Nữ	08/12/2000	2.5	2.5	2	2	9	2.00	0.00		0	1	14	Liệt
61	160061	Võ Thị Trúc Nhã	Nữ	20/06/2000	2.5	3	3	2.5	11	1.50	1.25		0	1.5	18	
62	160062	Phan Trọng Nhân	Nam	05/10/2000	2	2	2	2	8	1.00	0.00		0	0	10	Liệt
63	160063	Nguyễn Diệp Phương Nhi	Nữ	29/11/2000	2	2	3.5	2.5	10	1.00	0.00		0	0	12	Liệt
64	160064	Phan Thị Tuyết Nhi	Nữ	27/08/2000	2	2.5	3.5	3.5	11.5	0.75	0.25		0	1	14.5	Liệt
65	160065	Nguyễn Quỳnh Nhu	Nữ	03/09/2000	2	1.5	2	1.5	7	0.50	0.25		0	1	9.5	Liệt
66	160066	Dương Huỳnh Như	Nữ	02/12/2000	2.5	2	2.5	2.5	9.5	2.25	0.25		0	1	15.5	Liệt
67	160067	Nguyễn Thị Thúy Oanh	Nữ	27/03/2000	4	3	3.5	3	13.5	2.00	0.00		0	1	18.5	Liệt
68	160068	Nguyễn Hoàng Phi	Nam	26/11/2000	2	2.5	2.5	2.5	9.5	Vắng	Vắng		0	0	9.5	
69	160069	Nguyễn Quốc Phi	Nam	19/11/2000	2.5	2.5	2.5	2.5	10	1.25	1.00		0	0.5	15	Liệt
70	160070	Huỳnh Duy Phong	Nam	20/04/2000	2	1.5	1.5	2	7	0.50	0.25		0	0	8.5	Liệt
71	160071	Lương Thanh Phong	Nam	21/09/2000	2.5	2.5	2.5	2.5	10	1.25	1.00		0	1.5	16	Liệt
72	160072	Nguyễn Thanh Phong	Nam	17/04/2000	3	2.5	2.5	3.5	11.5	0.75	2.75		0	1.5	20	Liệt
73	160073	Nguyễn Kim Phụng	Nữ	18/11/2000	2	2.5	2.5	2.5	9.5	1.75	2.75		0	1.5	20	
74	160074	Huỳnh Đỗ Hoài Phương	Nam	16/06/2000	2.5	2	2	2.5	9	1.50	0.75		0	0.5	14	Liệt
75	160075	Lê Thị Như Quỳnh	Nữ	09/07/2000	3.5	3.5	2.5	2.5	12	4.25	1.50		0	1.5	25	
76	160076	Nguyễn Thị Gia Quỳnh	Nữ	07/10/2000	2	2.5	2.5	2.5	9.5	1.25	1.00		0	1	15	Liệt
77	160077	Trần Thanh Sang	Nam	08/04/2000	2.5	2	2	2	8.5	1.25	0.50		0	0	12	Liệt
78	160078	Huỳnh Hoài Thanh	Nam	28/02/2000	2.5	2.5	2	2.5	9.5	0.75	1.25		0	0	13.5	Liệt
79	160079	Nguyễn Tấn Thành	Nam	06/10/2000	2.5	2	2	2.5	9	1.25	0.25		0	1	13	Liệt
80	160080	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	10/08/2000	3.5	3.5	2.5	2.5	12	1.25	1.25		0	0.5	17.5	
81	160081	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	28/01/2000	2.5	2.5	2	2.5	9.5	3.25	0.25		0	0.5	17	Liệt
82	160082	Nguyễn Minh Thắng	Nam	21/01/2000	2.5	3.5	3.5	2	11.5	2.75	3.00		0	0.5	23.5	

BẢNG GHI ĐIỂM THI

HỘI ĐỒNG COI THI: ***THPT Trần Quốc Đại***

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	Điểm rèn luyện					Điểm thi các môn				Điểm UT-KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	Tổng	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Cộng thêm			
83	160083	Huỳnh Thị Thi	Nữ	25/11/1999	1.5	2	2	2	7.5	1.25	0.00		0	0.5	10.5	Liệt
84	160084	Võ Nguyễn Mai Thi	Nữ	10/09/2000	3.5	2.5	2.5	2	10.5	1.25	2.50		0	1.5	19.5	
85	160085	Vương Hoàng Thi	Nam	26/08/2000	2	1.5	2	2	7.5	1.50	0.25		0	0.5	11.5	Liệt
86	160086	Trịnh Minh Thiện	Nam	18/07/2000	1.5	2	2	2.5	8	2.00	1.50		0	0.5	15.5	
87	160087	Lê Văn Thìn	Nam	27/12/2000	2	2.5	2.5	2.5	9.5	1.75	0.00		0	0	13	Liệt
88	160088	Lê Văn Thịnh	Nam	10/11/2000	2.5	2.5	2	2.5	9.5	3.25	2.50		0	0.5	21.5	
89	160089	Nguyễn Khắc Thịnh	Nam	19/09/2000	2.5	3.5	2.5	2.5	11	1.25	0.75		0	1	16	Liệt
90	160090	Thái Thị Thanh Thúy	Nữ	27/06/2000	2	2	2.5	2	8.5	0.25	0.00		0	0	9	Liệt
91	160091	Nguyễn Thị Anh Thư	Nữ	01/06/2000	3.5	2.5	2.5	3	11.5	4.25	2.50		0	1.5	26.5	
92	160092	Võ Thành Thương	Nam	23/02/2000	2	2	2	1.5	7.5	1.75	1.50		0	1	15	
93	160093	Dương Thị Mai Thy	Nữ	14/09/2000	2	2.5	3.5	3.5	11.5	1.50	0.25		0	1.5	16.5	Liệt
94	160094	Võ Thị Kim Tỏa	Nữ	15/01/2000	3.5	3.5	2.5	2.5	12	3.00	0.25		0	1	19.5	Liệt
95	160095	Lê Công Toàn	Nam	15/05/2000	2	2	2.5	2.5	9	1.00	2.00		0	0	15	Liệt
96	160096	Lê Nguyễn Toàn	Nam	08/06/2000	1.5	2	2	2	7.5	1.25	0.75		0	1.5	13	Liệt
97	160097	Lê Phi Toàn	Nam	04/02/2000	2.5	2	2	2	8.5	0.75	2.00		0	0.5	14.5	Liệt
98	160098	Mai Thị Thùy Trang	Nữ	16/10/2000	2	2	2.5	2	8.5	0.50	0.00		0	0	9.5	Liệt
99	160099	Nguyễn Thùy Trang	Nữ	12/04/2000	2	2	2.5	3.5	10	1.00	1.00		0	0	14	Liệt
100	160100	Nguyễn Thị Bích Trâm	Nữ	27/03/2000	3.5	3	2	2	10.5	1.25	3.25		0	1.5	21	
101	160101	Cao Minh Trí	Nam	05/03/2000	2	2	2.5	2	8.5	0.75	1.50		0	0.5	13.5	Liệt
102	160102	Lê Hoàng Triệu	Nam	24/04/2000	2	2.5	2	2.5	9	1.25	1.50		0	1.5	16	
103	160103	Trần Thị Kim Trinh	Nữ	04/06/2000	2.5	2.5	2.5	3.5	11	1.25	0.25		0	1	15	Liệt
104	160104	Võ Mai Trinh	Nữ	16/02/2000	3.5	1.5	2	2.5	9.5	0.75	0.00		0	1	12	Liệt
105	160105	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Nữ	26/10/2000	2.5	2.5	2.5	2	9.5	1.25	0.50		0	0.5	13.5	Liệt
106	160106	Hồ Văn Trường	Nam	15/11/2000	2.5	2	2	2.5	9	1.25	0.50		0	1	13.5	Liệt
107	160107	Nguyễn Lộc Trường	Nam	19/01/2000	2	2	2	1.5	7.5	0.25	1.00		0	0.5	10.5	Liệt
108	160108	Lê Cẩm Tú	Nữ	23/09/2000	2.5	2.5	3.5	2.5	11	2.50	2.00		0	1	21	
109	160109	Điền Anh Tuấn	Nam	22/04/2000	3	3.5	3.5	3.5	13.5	1.50	2.25		0	0	21	
110	160110	Huỳnh Thị Ngọc Tuyền	Nữ	02/06/2000	2	2	2.5	1.5	8	Vắng	Vắng		0	1.5	9.5	

BẢNG GHI ĐIỂM THI

HỘI ĐỒNG COI THI: ***THPT Trần Quốc Đại***

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	Điểm rèn luyện					Điểm thi các môn				Điểm UT-KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	Tổng	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Cộng thêm			
111	160111	Lê Long Tứ	Nam	10/02/2000	3	3.5	3.5	2.5	12.5	0.75	1.25		0	1	17.5	Liệt
112	160112	Nguyễn Lê Triệu Vi	Nữ	23/05/2000	3.5	3.5	3.5	3.5	14	0.50	0.25		0	1	16.5	Liệt
113	160113	Nguyễn Xuân Vinh	Nam	10/04/2000	2	2	2	2	8	0.75	3.50		0	0.5	17	Liệt
114	160114	Trần Văn Uy Vũ	Nam	19/03/2000	2.5	2.5	2.5	2.5	10	1.00	0.00		0	1.5	13.5	Liệt

Tây Ninh, ngày tháng 6 năm 2015

Cán bộ in **Cán bộ soát điểm** **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM**

Trần Thị Kiều Diễm **Võ Thị Thu**

Dương Văn Sáu